I.Listen and choose (Nghe và chọn)

1.

A. Cá vàng ***B. Con mèo***

2.

A. 2 con rô bốt ***B. 2 con vẹt***

3.

A. Mưa ở Hà Nội , nắng ở Đà Nẵng ***B. Nhiều mây ở Hà Nội, mưa ở Đà Nẵng***

4.

A. Cầu lông ***B. Nhảy dây***

5.

A. Sa Pa ***B. Thành phố Hồ Chí Minh***

II.Listen and number (Nghe và viết số)

Xem TV	Nấu ăn	3 con diều	4 con mèo
A. ☐	B. ☐	C. ☐	D. ☐

LIVEWORKSHEETS

III. Listen and match (Nghe và nối)

1.Who's that?

2.This is my bedroom.

3.Where's your yo-yo?

4.Are there any maps in your classroom?

5.Do you have a robot?

A. **It's there, on the shelf.**

B. **Yes, there are two.**

C. **That's my father.**

D. **No, I don't. But I have a doll.**

E. **Oh. It's nice.**

1.	2.	3.	4.	5.

IV. Listen and write (Nghe và viết)

1. **Ha Long Bay is _____ from Ha Noi.**
2. **Is Ha Noi in _____ Viet Nam?**

V. Read and complete (Đọc và hoàn thành)

south	eleven	rainy	near	What

Hello. My name is Jack. I'm (1)_____ years old. My family is in Ben Tre. It's in (2)_____ Viet Nam. Ben Tre is (3)_____ Vinh Long and Tien Giang but very far from Ho Chi Minh city.It's (4)_____ today. How about your place?. (5)_____ is the weather like in your place today?.

VI. Read and match (Đọc và nối)

1.Do you have any toys?
2.How many maps in the living room?
3.What's the weather like today?
4.What colour is the gate?
5.Do you have any pets?

A. It's green.
B. It's sunny.
C. No, I don't.
D. There is one.
E. Yes, I have two dogs and a cat.

1.	2.	3.	4.	5.

LIVEWORKSHEETS

VII. Reother the words (Sắp xếp từ)

1. Does / his / he / name / spell / how / ?

_____

2. is / twelve / old / years / He / .

_____

3. fishtank / goldfish / The / the / are / in /.

_____

4. name / spell / your / do/ How / you/ ?

_____

5. sixty / old / My / is / grandmother / years/ .

_____

6. two/ are / there / books / on / table / the / .

_____

7. many / posters / How / room / your / in /?

_____

8. on / pictures / the / Two / are / wall /.

_____

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS